

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
T PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2022/HS-ST
Ngày 22-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, T PHỐ H

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà;

Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đắc Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, T phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, T phố H tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Xà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, T phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý: 132/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/02/1985. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, T phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (đã chết), con bà: Trần Thị T, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (đã ly hôn năm 2021); Con: có 01 con, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2022 đến ngày 09/8/2022. Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng V; địa chỉ: Nhà số 04 lô V6A, Khu đô thị V, phường P, quận H, T phố H;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1966, chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường P, quận H, T phố H. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/8/2022, Nguyễn Văn T sau khi uống rượu tại nhà ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962, địa chỉ tại Thôn T, xã T, huyện Đ, T phở H, T gọi điện đến anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, tại thôn T, xã T, huyện Đ là lái xe taxi, đến đón và chở T đến M, xã T, huyện M để giải quyết công việc. Khi xe đi đến xóm 5, thôn V, xã T, huyện M, TP. H, T xuống xe đi bộ đến xưởng sản xuất gạch V. Do T có một thời gian làm thuê tại xưởng sản xuất gạch V (từ tháng 9/2021 đến tháng 01/2022) ở thôn V, xã T, huyện M, TP.H nên biết xưởng sản xuất sau khi sử dụng xe nâng để vận chuyển thường không rút chìa khóa điện nên khi quan sát xưởng không có bảo vệ trông giữ, T đi vào bên trong xưởng, thấy 01 chiếc xe nâng vẫn cắm sẵn chìa khóa điện để tại sân, T bật chìa khóa điện, điều khiển xe nâng đi ra khỏi xưởng sản xuất đến cất giấu tại chùa L thuộc Thôn T, xã T, huyện Đ, TP. H gần nhà T.

Đến 13 giờ 20 phút ngày 05/8/2022, chị Đỗ Thị K, sinh năm 1971, là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Thương mại và xây dựng V đến Công an xã T trình báo sự việc. Qua xác minh, Công an xã T triệu tập T đến làm việc, do biết không thể che giấu hành vi phạm tội của bản thân nên khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T đã đến Công an xã T đầu thú và giao nộp chiếc xe nâng trên. Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐG ngày 08/8/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện M định giá và kết luận: Chiếc xe nâng nhãn hiệu Komatsu, màu vàng, loại 02 tấn, cũ đã qua sử dụng có giá là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 19/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu là Chiếc xe nâng Komatsu, màu vàng, loại 02 tấn, cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là bà Đỗ Thị K. Bà Đỗ Thị K không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản cáo trạng số 128/CT-VKSTXST ngày 17/10/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Nguyễn Văn T ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh bị cáo nuôi con nhỏ sau ly hôn, cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được trở về lao động, giúp đỡ gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: không đề nghị xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T nhận thấy:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, T phổ H truy tố. Lời khai của bị cáo cũng phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được đưa ra thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa, thể hiện:

Nguyễn Văn T do có một thời gian làm thuê tại xưởng sản xuất gạch Vân K (từ tháng 9/2021 đến tháng 01/2022) ở thôn Vôì Đá, xã T, huyện M, TP. H nên biết xưởng sản xuất sau khi sử dụng xe nâng để vận chuyển thường không rút chìa khóa điện nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/8/2022, T thuê xe taxi đi đến xóm 5, thôn V, xã T, huyện M, TP. H, T xuống xe đi bộ đến xưởng sản xuất gạch V, khi quan sát xưởng không có bảo vệ trông giữ, T đi vào bên trong xưởng, bật chìa khóa điện chiếc xe nâng để tại sân và điều khiển xe nâng đi ra khỏi xưởng sản xuất đến cất giấu tại chùa Linh Quang thuộc Thôn T, xã T, huyện Đ, TP. H. Khi Công an triệu tập T đến làm việc, do biết không thể che

giấu hành vi phạm tội của bản thân nên vào hồi 16 giờ ngày 05/8/2022, Nguyễn Văn T đã đến Công an xã T đầu thú và giao nộp chiếc xe nâng đã trộm được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐG ngày 08/8/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: Chiếc xe nâng nhãn hiệu Komatsu, màu vàng, loại 02 tấn, cũ đã qua sử dụng có giá trị là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, Nguyễn Văn T đã lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc trông giữ tài sản của người dân đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe nâng nhãn hiệu Komatsu, màu vàng, loại 02 tấn, cũ đã qua sử dụng có giá trị là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần có hình phạt nghiêm, phù hợp để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú và giao nộp tài sản đã chiếm đoạt; người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường và có Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn. Hội đồng xét xử xác định bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, có từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện để áp dụng biện pháp chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở T công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Tại Quyết định số 72/QĐ-CQĐT, ngày 19/9/2022, cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng V, bà Đỗ Thị K đã nhận lại Chiếc xe nâng nhãn hiệu Komatsu, màu vàng, loại 02 tấn, cũ đã qua sử dụng, không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH thương mại và xây dựng V, bà Đỗ Thị K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn T** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện Đ, T phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H;
- VKS ND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Hiếu

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiếu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SƠN TÂY – H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....ngày 16 tháng 4 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, H.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Quang; Bà Trần Thị Liên

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:20/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 đối với:

Bị cáo Tạ Đắc Hưng, sinh năm: 1986. Nơi ĐKNKTT: Xóm Bướm, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, T phố Hà Nội

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng và tội danh, hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 điều 51 khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 , Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên bố bị cáo Tạ Đắc Hưng phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Tạ Đắc Hưng 30 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/12/2017, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Biểu quyết: 3/3(100%)

2. *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu tiêu huỷ: 02 phong bì niêm phong dán kín của phòng KTHS(PC54)CATP H, trên đó có chữ kí của Nguyễn Xuân Hòa và giám định viên Nguyễn Văn Hùng .

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Sam sung màu trắng GT-E1081T số Imei: 356149/04/337396/3; 01 điện thoại NOKIA 1200 màu đen, số Imei: 356845027599925; 01 điện thoại Sam sung màu trắng GT-55360 số Imei: 35903/05/144852/9.

Trả lại cho anh Tạ Đắc Mạnh 01 xe mô tô kiểu dáng Dream màu nâu đỏ, không biển kiểm soát, số khung 027900, số máy 000027900.

(Theo biên bản giao nhận ngày 19/3/2018 giữa Công an TX Sơn Tây và Chi cục Thi hành án dân sự TX Sơn Tây).

Tịch thu sung công 100.000 đồng.

(Theo giấy ủy nhiệm chi số 29 lập ngày 21/3/2018 của Công an TX Sơn Tây chuyển tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự TX Sơn Tây tại kho bạc Nhà nước TX Sơn Tây).

Biểu quyết: 3/3(100%)

3. *Về án phí và quyền kháng cáo*:

Bị cáo Tạ Đắc Hưng phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày 16 tháng 4 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 25-HS:

(1) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, T phố trực thuộc trung ương (Tòa án nhân dân Quận 1, T phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân khu 4).

(2) ghi địa điểm nơi tiến hành phiên tòa (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh X).

(3) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán, Hội thẩm; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(4) nếu có nhiều bị cáo thì ghi thứ tự từng người một; trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật.

(5) ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của T viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.